

Số: 13 /2016/QĐ-UBND

Long An, ngày 11 tháng 3 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc ban hành quy định quản lý cơ sở hạ tầng viễn thông
trên địa bàn tỉnh Long An**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24/9/2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BXD-BCT-BTTTT ngày 27/12/2013 của liên Bộ Xây dựng, Bộ Công Thương và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống được lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT ngày 30/12/2013 của liên Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng và Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

Căn cứ Thông tư số 10/2011/TT-BTTTT ngày 14/4/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về viễn thông (QCVN 33:2011/BTTTT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông);

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BXD ngày 02/4/2013 của Bộ Xây dựng ban hành mẫu hợp đồng sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật và hợp đồng quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

Căn cứ Thông tư số 14/2013/TT-BTTTT ngày 21/6/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn việc lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương;

Theo đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại tờ trình số 153/TTr-STTTT ngày 24/02/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định quản lý cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 2. Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 04/2012/QĐ-UBND ngày 07/02/2012 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về việc sử dụng chung cột điện để treo cáp viễn thông và chỉnh trang làm gọn cáp viễn thông treo trên cột điện trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các sở ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Kiến Tường, thành phố Tân An; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ TTTT;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh; Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng NC: VX+KT+TH+NC;
- Lưu: VT, M.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Hữu Lâm

QUY ĐỊNH

Quản lý cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn tỉnh Long An

(Kèm theo Quyết định số 13 /2016/QĐ-UBND ngày 11 /3/2016 của UBND tỉnh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định chi tiết việc quản lý cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn tỉnh Long An, bao gồm: Chính trang cáp viễn thông treo trên cột; chỉnh trang cột treo cáp viễn thông riêng biệt; ngầm hóa cáp viễn thông; chuyển đổi cột ăng ten.

2. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc chỉnh trang cáp viễn thông treo trên cột, chỉnh trang cột treo cáp viễn thông riêng biệt, ngầm hóa cáp viễn thông và chuyển đổi cột ăng ten.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Cáp viễn thông* là tên gọi chung chỉ cáp quang, cáp đồng, cáp đồng trục (cáp truyền hình) được dùng để truyền thông tin trong mạng viễn thông thuộc quản lý chuyên ngành của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. *Cột treo cáp* là cột bằng thép hoặc bê tông cốt thép dùng để treo cáp viễn thông.

3. *Cột treo cáp viễn thông riêng biệt* là cột treo cáp viễn thông không dùng chung với các ngành khác (cột điện lực, cột đèn chiếu sáng công cộng,...).

4. *Giá đỡ cáp* là giá đỡ hình chữ E được thiết kế bằng thép, được lắp đặt cố định trên cột tại những vị trí yêu cầu phải định vị các sợi cáp viễn thông.

5. *Giá treo cáp* là giá treo hình chữ D được thiết kế bằng thép, được lắp đặt cố định trên cột tại những vị trí không yêu cầu định vị các sợi cáp viễn thông.

6. *Đai bó cáp* là đai đỡ bó cáp dọc theo tuyến cáp. Đai bó cáp được thiết kế bằng thép tròn uốn cong thành nửa vòng tròn và liên kết với nhau bằng hai bu-lông; được cố định vào dây treo cáp.

7. *Dây treo cáp* là dây cáp thép chịu lực, được cố định vào cột để nâng cao độ võng các bó cáp viễn thông giữa khoảng cột của hai cột liên tiếp.

8. *Chỉnh trang cáp viễn thông treo trên cột* là làm gọn cáp viễn thông, nâng cao độ an toàn cho sợi cáp, an toàn điện, an toàn giao thông và tạo mỹ quan.

9. *Tối ưu mạng cáp viễn thông* là sắp xếp làm gọn lại mạng cáp viễn thông, thu hồi các sợi cáp viễn thông không còn sử dụng, treo thẻ nhận diện.

10. *Chỉnh trang cột treo cáp viễn thông riêng biệt* là sắp xếp, thu hồi cột treo cáp viễn thông riêng biệt mà tại vị trí có nhiều cột treo cáp viễn thông riêng biệt gần nhau.

11. *Hạ tầng ngầm cáp viễn thông* bao gồm: Tuyến ống chính, tuyến ống phụ, bể cáp và hố ga kỹ thuật.

12. *Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng ngầm cáp viễn thông* bao gồm:

- a) UBND cấp huyện hoặc các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc.
- b) Doanh nghiệp viễn thông.
- c) Tổ chức, cá nhân khác.

13. *Cột ăng ten không công kênh* là cột ăng ten được lắp đặt trong và trên các công trình xây dựng nhưng không làm thay đổi kiến trúc, kết cấu chịu lực, an toàn của công trình xây dựng, bao gồm:

a) Cột ăng ten tự đứng được lắp đặt trên các công trình xây dựng có chiều cao của cột (kể cả ăng ten, nhưng không bao gồm kim thu sét) không quá 20% chiều cao của công trình nhưng tối đa không quá 3 mét và có chiều rộng từ tâm của cột đến điểm ngoài cùng của cấu trúc cột ăng ten (kể cả cánh tay đòn của cột và ăng ten) dài không quá 0,5 mét.

b) Cột ăng ten thân thiện với môi trường là cột ăng ten được thiết kế, lắp đặt ẩn trong kiến trúc của công trình đã xây dựng, mô phỏng lan can, mái hiên, mái vòm, bệ cửa, vỏ điều hòa, bồn nước, tháp đồng hồ, tác phẩm điêu khắc, v.v, hoặc được lắp đặt kín trên cột điện, đèn chiếu sáng hoặc dưới các hình thức ngụy trang phù hợp với môi trường xung quanh và có chiều cao, chiều rộng như quy định tại Điểm a, Khoản 13 Điều này.

14. *Cột ăng ten công kênh* là cột ăng ten được lắp đặt trên các công trình xây dựng không thuộc cột ăng ten theo quy định tại Khoản 13 Điều này hoặc cột ăng ten lắp đặt trên mặt đất và các loại ăng ten khác.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ CƠ SỞ HẠ TẦNG VIỄN THÔNG

Điều 3. Quy định kỹ thuật

1. Đối với chỉnh trang cáp viễn thông treo trên cột

a) Áp dụng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông (QCVN 33:2011/BTTTT).

b) Đối với cáp viễn thông dọc theo tuyến đường và cáp chính, cáp phối vượt đường giao thông ngoài việc áp dụng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông (QCVN 33:2011/BTTTT) còn áp dụng quy định như sau:

- Cáp viễn thông treo trên cột treo cáp của Công ty Điện lực Long An: Trang bị giá đỡ cáp, giá treo cáp, đai bó cáp, dây treo cáp, thẻ nhận biết; cáp viễn thông phải đưa vào đai bó cáp dọc tuyến và giá đỡ cáp hoặc giá treo cáp tại cột.

- Cáp viễn thông treo trên cột treo cáp của các đơn vị khác: Trang bị đai bó cáp, dây treo cáp, thẻ nhận biết; cáp viễn thông phải đưa vào đai bó cáp dọc tuyến; khuyến khích lắp đặt giá đỡ cáp, giá treo cáp tại cột.

- Quy định về quy cách thiết kế, tiêu chuẩn vật tư: Theo Phụ lục kèm theo.

2. Đối với chỉnh trang cột treo cáp viễn thông riêng biệt

a) Áp dụng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông (QCVN 33:2011/BTTTT).

b) Không trồng mới cột treo cáp viễn thông riêng biệt tại: Khu vực, tuyến đường đã hoàn thành ngầm hóa cáp viễn thông; khu vực, tuyến đường, vị trí đã có cột treo cáp còn khả năng lắp đặt cáp viễn thông.

c) Trong phạm vi bán kính 05 mét từ vị trí cột treo cáp được giữ lại thì phải chỉnh trang cột treo cáp viễn thông riêng biệt.

3. Đối với ngầm hóa cáp viễn thông

a) Áp dụng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông (QCVN 33:2011/BTTTT), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị (QCVN 07:2010/BXD); tiêu chuẩn Việt Nam về cống, bể, hầm, hố, rãnh kỹ thuật và tủ đấu cáp viễn thông – yêu cầu kỹ thuật (TCVN 8700:2011); tiêu chuẩn Việt Nam về mạng viễn thông - ống nhựa cho các tuyến cáp ngầm – yêu cầu kỹ thuật (TCVN 8699:2011) và các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định khác có liên quan.

b) Sử dụng chung hạ tầng ngầm để ngầm hóa cáp viễn thông; hạ tầng ngầm xây dựng mới trong khu vực đô thị phải đảm bảo cho tất cả các đơn vị dùng chung, đáp ứng nhu cầu hiện tại và 05 năm tiếp theo.

4. Đối với chuyển đổi cột ăng ten

Thực hiện việc chuyển đổi cột ăng ten công kênh sang cột ăng ten không công kênh theo quy định tại Thông tư số 14/2013/TT-BTTTT ngày 21/6/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 4. Quy định địa điểm thực hiện

1. Chỉnh trang cáp viễn thông treo trên cột điện

a) Khu vực, tuyến đường có cáp viễn thông treo trên cột treo cáp của Công ty Điện lực Long An quản lý.

b) Khu vực, tuyến đường có từ 03 sợi cáp (cáp chính, cáp phối) trở lên treo trên cột treo cáp của các đơn vị khác.

c) Ưu tiên thực hiện chỉnh trang tại khu vực đô thị, khu du lịch, khu di tích lịch sử văn hóa, tuyến đường chính, khu vực đông dân cư.

2. Chỉnh trang cột treo cáp viễn thông riêng biệt

a) Khu vực, tuyến đường hoặc vị trí có cột treo cáp viễn thông riêng biệt.

b) Ưu tiên thực hiện chỉnh trang tại khu vực đô thị, khu du lịch, khu di tích lịch sử văn hóa, tuyến đường chính, khu vực đông dân cư.

3. Ngâm hóa cáp viễn thông

a) Khu vực, tuyến đường được ghi thời gian cụ thể hoàn thành hạ ngầm cáp viễn thông theo Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của tỉnh.

b) Khu vực, tuyến đường có yêu cầu đặc biệt, đột xuất phải thực hiện ngầm hóa cáp viễn thông như: Kết hợp với cải tạo, nâng cấp đường; kết hợp với các công trình khác.

c) Khuyến khích ngầm hóa cáp viễn thông tại các khu vực còn lại.

4. Chuyển đổi cột ăng ten

a) Khu vực, tuyến đường được ghi thời hạn phải hoàn thành chuyển đổi cột ăng ten theo Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của tỉnh.

b) Khu vực, tuyến đường có yêu cầu đặc biệt, đột xuất phải thực hiện chuyển đổi cột ăng ten kết hợp với cải tạo, chỉnh trang đô thị.

c) Khuyến khích chuyển đổi cột ăng ten tại các khu vực còn lại.

Điều 5. Quy định nhiệm vụ và trình tự thực hiện

1. Đối với chỉnh trang cáp viễn thông treo trên cột

a) Theo đề xuất của Phòng Văn hóa và Thông tin, trước ngày 31 tháng 10 hàng năm, UBND cấp huyện ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện chỉnh trang cáp viễn thông treo trên cột của năm sau; có trách nhiệm chủ trì xử lý khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện tại địa phương.

b) Đơn vị sở hữu cột có trách nhiệm chủ trì, phối hợp đơn vị treo cáp xây dựng phương án chi tiết.

c) Đơn vị treo cáp có trách nhiệm tối ưu mạng cáp viễn thông trước khi chỉnh trang.

d) Đơn vị sở hữu cột có trách nhiệm thực hiện chỉnh trang toàn bộ cáp viễn thông treo trên cột do mình quản lý; đơn vị treo cáp có trách nhiệm giám sát, bảo vệ và khắc phục sự cố đối với cáp viễn thông của mình trong quá trình đơn vị sở hữu cột thực hiện chỉnh trang.

đ) UBND cấp huyện có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu; thông báo các khu vực, tuyến đường đã thực hiện hoàn thành chỉnh trang cáp viễn thông treo trên cột trên trang thông tin điện tử của địa phương.

2. Đối với chỉnh trang cột treo cáp viễn thông riêng biệt

a) Theo đề xuất của Phòng Văn hóa và Thông tin, trước ngày 31 tháng 10 hàng năm, UBND cấp huyện ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện chỉnh trang cột treo cáp viễn thông riêng biệt của năm sau; có trách nhiệm lập phương án chỉnh trang chi tiết tại từng khu vực, tuyến đường, vị trí và xử lý khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện tại địa phương.

b) Trước thời điểm được ấn định thu hồi cột treo cáp 05 ngày làm việc, đơn vị treo cáp có trách nhiệm thu hồi hoặc di dời cáp viễn thông từ cột treo cáp phải thu hồi sang cột treo cáp được giữ lại theo phương án chi tiết.

c) Đơn vị sở hữu cột có trách nhiệm thu hồi các cột treo cáp phải thu hồi theo phương án chi tiết.

d) UBND cấp huyện có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu; thông báo các khu vực, tuyến đường đã thực hiện hoàn thành chỉnh trang cột treo cáp viễn thông riêng biệt trên trang thông tin điện tử của địa phương.

3. Đối với ngầm hóa cáp viễn thông

a) Trước ngày 31 tháng 10 hàng năm, Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện ngầm hóa cáp viễn thông của năm sau; có trách nhiệm thông báo danh mục khu vực, tuyến đường ngầm hóa bằng văn bản đến các đơn vị treo cáp, trên Báo Long An (03 số báo liên tiếp), trên Đài Phát thanh và Truyền hình Long An (03 lần trên kênh truyền hình) và thông báo trên trang thông tin điện tử của Sở Thông tin và Truyền thông.

b) UBND tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông lựa chọn và quyết định hình thức đầu tư, chủ đầu tư xây dựng hạ tầng ngầm, ngoại trừ các trường hợp xây dựng bằng kinh phí từ ngân sách nhà nước. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm thông báo bằng văn bản kết quả lựa chọn hình thức đầu tư và chủ đầu tư đến các đơn vị treo cáp.

c) Đơn vị treo cáp có trách nhiệm đăng ký bằng văn bản nhu cầu sử dụng hạ tầng ngầm cáp viễn thông với chủ đầu tư (nhu cầu hiện tại và dự báo nhu cầu trong 05 năm tiếp theo).

d) Chủ đầu tư có trách nhiệm lập thiết kế, bản vẽ thi công.

đ) Chủ đầu tư có trách nhiệm lấy ý kiến góp ý của Sở Thông tin và Truyền thông, đơn vị treo cáp có đăng ký nhu cầu sử dụng hạ tầng ngầm bằng văn bản; tiếp thu, hoàn chỉnh thiết kế, bản vẽ thi công, đồng thời có văn bản giải trình, thuyết minh cụ thể đối với các nội dung không tiếp thu.

e) Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở ngành liên quan, UBND cấp huyện, chủ đầu tư, đơn vị treo cáp có đăng ký nhu cầu sử dụng hạ tầng ngầm tổ chức họp thông qua thiết kế, bản vẽ thi công.

g) Chủ đầu tư thực hiện quy định về giấy phép xây dựng theo quy định hiện hành, thông báo ngày khởi công xây dựng bằng văn bản cho UBND cấp xã nơi xây dựng hạ tầng ngầm trong thời hạn 07 ngày làm việc trước khi khởi công.

h) Chủ đầu tư thi công hạ tầng ngầm.

i) Đơn vị sở hữu cột có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với đơn vị treo cáp xây dựng lộ trình tháo dỡ, thu hồi cáp viễn thông và cột treo cáp.

k) Đơn vị treo cáp tiến hành hạ ngầm cáp viễn thông và thu hồi cáp viễn thông treo trên cột. Đơn vị sở hữu cột tháo dỡ, thu hồi cột treo cáp và hoàn trả mặt bằng.

l) Chủ đầu tư hạ tầng ngầm có trách nhiệm thu gom vật tư, cáp còn lại (không xác định chủ sở hữu, thừa thải,...) và vệ sinh toàn bộ khu vực, tuyến đường ngầm hóa.

m) UBND cấp huyện có trách nhiệm theo dõi, đơn đốc việc thực hiện thi công hạ tầng ngầm, hạ ngầm cáp viễn thông, tháo dỡ thu hồi cáp viễn thông, cột treo cáp, hoàn trả mặt bằng, thu gom vật tư và vệ sinh khu vực, tuyến đường.

n) Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu; thông báo các khu vực, tuyến đường đã hoàn thành ngầm hóa cáp viễn thông trên trang thông tin điện tử của Sở Thông tin và Truyền thông.

4. Đối với chuyển đổi cột ăng ten

a) Trước ngày 31 tháng 10 hàng năm, Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch chuyển đổi cột ăng ten của năm sau; có trách nhiệm thông báo khu vực, tuyến đường chuyển đổi cột ăng ten trên Báo Long An (03 số báo liên tiếp), Đài Phát thanh và Truyền hình Long An (03 lần trên kênh truyền hình) và thông báo trên trang thông tin điện tử của Sở Thông tin và Truyền thông.

b) Tổ chức, cá nhân có lắp đặt thiết bị thu, phát sóng vô tuyến điện trên cột ăng ten công kênh thuộc kế hoạch phải chuyển đổi có trách nhiệm tháo dỡ thiết bị thu, phát sóng vô tuyến điện trên cột ăng ten công kênh.

c) Tổ chức, cá nhân sở hữu cột ăng ten công kênh thuộc kế hoạch phải chuyển đổi có trách nhiệm tháo dỡ, thu hồi cột ăng ten công kênh sau khi đã tháo dỡ thiết bị thu, phát sóng vô tuyến điện ra khỏi cột ăng ten.

d) Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu; thông báo các khu vực, tuyến đường đã hoàn thành chuyển đổi cột ăng ten trên trang thông tin điện tử của Sở Thông tin và Truyền thông.

Điều 6. Quy định quản lý sau khi hoàn thành

1. Đối với chỉnh trang cáp viễn thông treo trên cột

a) Đơn vị treo cáp phải chỉnh trang cáp ngay khi bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế và treo mới cáp viễn thông theo quy định.

b) Đơn vị sở hữu cột có trách nhiệm quản lý sau chỉnh trang đối với các tuyến đường, vị trí cột thuộc sở hữu của mình. Định kỳ hàng quý, đề xuất UBND cấp huyện tháo dỡ, thu hồi cáp viễn thông không chỉnh trang.

c) Trình tự tháo dỡ, thu hồi cáp viễn thông không chỉnh trang:

- Đơn vị sở hữu cột có trách nhiệm thông báo đến các đơn vị treo cáp bằng văn bản và trên trang thông tin điện tử của địa phương, Đài Truyền thanh cấp huyện yêu cầu đơn vị treo cáp khắc phục trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc.

- Hết thời hạn khắc phục mà đơn vị treo cáp không thực hiện việc chỉnh trang theo quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, theo đề xuất của Phòng Văn hóa và Thông tin, UBND cấp huyện có trách nhiệm thành lập đoàn kiểm tra (thành phần đoàn kiểm tra gồm đại diện: UBND cấp huyện, Phòng Văn hóa và Thông tin, Phòng Quản lý Đô thị/ Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND cấp xã, đơn

vị sở hữu cột và đơn vị treo cáp) và tiến hành tháo dỡ, thu hồi cáp viễn thông không chính trang tại hiện trường.

d) UBND cấp huyện có trách nhiệm quản lý cáp viễn thông thu hồi theo quy định hiện hành.

2. Đối với chỉnh trang cột treo cáp viễn thông riêng biệt

a) UBND cấp huyện có trách nhiệm quản lý các khu vực, tuyến đường hoặc vị trí cột treo cáp sau chỉnh trang. Định kỳ hàng quý, UBND cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra, tháo dỡ, thu hồi cột treo cáp viễn thông riêng biệt trông mới không đúng quy định.

b) Trình tự tháo dỡ, thu hồi cột treo cáp viễn thông riêng biệt trông mới không đúng quy định:

- UBND cấp huyện có trách nhiệm thông báo đến các đơn vị sở hữu cột, đơn vị treo cáp bằng văn bản và trên trang thông tin điện tử của địa phương, Đài Truyền thanh cấp huyện yêu cầu khắc phục trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc.

- Hết thời hạn khắc phục mà đơn vị treo cáp, đơn vị sở hữu cột không thực hiện việc chỉnh trang theo quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, theo đề xuất của Phòng Văn hóa và Thông tin, UBND cấp huyện có trách nhiệm thành lập đoàn kiểm tra (thành phần đoàn kiểm tra gồm đại diện: UBND cấp huyện, Phòng Văn hóa và Thông tin, Phòng Quản lý Đô thị/ Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND cấp xã, đơn vị sở hữu cột và đơn vị treo cáp) và tháo dỡ, thu hồi cột treo cáp viễn thông riêng biệt trông mới không đúng quy định.

c) UBND cấp huyện có trách nhiệm quản lý cột thu hồi theo quy định hiện hành.

3. Đối với ngầm hóa cáp viễn thông

a) Chủ đầu tư hạ tầng ngầm viễn thông có trách nhiệm bàn giao hồ sơ thiết kế, hồ sơ hoàn công sau khi đã hoàn thành và nghiệm thu công trình cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép xây dựng; đồng gửi Sở Thông tin và Truyền thông 01 bộ hồ sơ.

b) Khi sửa chữa, thay thế, lắp mới mạng cáp viễn thông tại khu vực, tuyến đường đã ngầm hóa thì chỉ được lắp đặt ngầm.

c) Không cấp phép xây dựng mới hạ tầng ngầm cáp viễn thông khi hạ tầng hiện có vẫn đáp ứng nhu cầu sử dụng.

d) UBND cấp huyện có trách nhiệm quản lý các khu vực, tuyến đường sau khi hoàn thành ngầm hóa cáp viễn thông. Định kỳ hàng quý, UBND cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra, tháo dỡ, thu hồi cáp viễn thông và cột treo cáp không đúng quy định.

đ) Trình tự thu hồi cáp viễn thông và cột treo cáp không đúng quy định được thực hiện theo Điểm c, Khoản 1 và Điểm b, Khoản 2 Điều này.

e) Định kỳ trước ngày 30 tháng 11 hàng năm, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND cấp huyện có trách nhiệm báo cáo về hiện trạng và tình hình quản lý công trình hạ tầng ngầm viễn thông trên địa bàn quản lý về Sở Thông tin và Truyền thông. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và đồng gửi Sở Xây dựng.

g) Trách nhiệm cung cấp thông tin về hiện trạng hạ tầng ngầm viễn thông cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu:

- Hình thức cung cấp thông tin: Cung cấp thông tin trực tiếp hoặc bằng văn bản theo yêu cầu.

- Sở Xây dựng cung cấp thông tin đối với các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị.

- Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh cung cấp thông tin đối với các khu công nghiệp, khu kinh tế.

- UBND cấp huyện cung cấp thông tin trên phạm vi địa bàn quản lý.

4. Đối với chuyển đổi cột ăng ten

a) Quản lý xây dựng mới các cột ăng ten đúng theo quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của tỉnh đã được phê duyệt và theo pháp luật hiện hành về xây dựng.

b) Sở Xây dựng có trách nhiệm quản lý sau khi hoàn thành chuyển đổi cột ăng ten đối với các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị thuộc thẩm quyền (hoặc được UBND tỉnh ủy quyền) cấp giấy phép xây dựng.

c) UBND cấp huyện có trách nhiệm quản lý sau khi hoàn thành chuyển đổi cột ăng ten trên phạm vi toàn bộ địa bàn theo phân cấp quản lý.

Điều 7. Quy định trách nhiệm bảo vệ an toàn mạng viễn thông

1. Đối với đơn vị treo cáp, đơn vị sở hữu cột và tổ chức, cá nhân lắp đặt thiết bị thu, phát sóng vô tuyến điện trên cột ăng ten

a) Có trách nhiệm tối ưu, bảo vệ an toàn mạng lưới trước, trong thời gian thi công và quản lý sau khi hoàn thành đối với việc chỉnh trang cáp viễn thông treo trên cột, chỉnh trang cột treo cáp viễn thông riêng biệt, ngầm hóa cáp viễn thông đúng theo kế hoạch, phương án và trình tự thực hiện tại quy định này.

b) Chịu trách nhiệm hoàn toàn mọi sự cố, thiệt hại mạng viễn thông khi không thực hiện đúng theo kế hoạch, phương án và trình tự thực hiện tại quy định này.

2. Đối với đơn vị được phân công chủ trì thực hiện các nhiệm vụ quản lý cơ sở hạ tầng viễn thông

a) Thực hiện việc chỉnh trang cáp viễn thông treo trên cột, chỉnh trang cột treo cáp viễn thông riêng biệt, ngầm hóa cáp viễn thông và chuyển đổi cột ăng ten đúng theo kế hoạch, phương án và trình tự thực hiện tại quy định này.

b) Chịu trách nhiệm về mọi sự cố, thiệt hại mạng viễn thông do lỗi của mình gây ra khi không thực hiện việc chỉnh trang cáp viễn thông treo trên cột,

chỉnh trang cột treo cáp viễn thông riêng biệt, ngầm hóa cáp viễn thông và chuyển đổi cột ăng ten đúng kế hoạch, phương án và trình tự thực hiện tại quy định này.

3. Đối với các trường hợp khẩn cấp

a) Sở Thông tin và Truyền thông, UBND cấp huyện, UBND cấp xã được phép thực hiện cô lập, tháo dỡ trong trường hợp thiên tai, đe dọa hoặc gây ảnh hưởng đến tính mạng, tài sản của tổ chức, cá nhân.

b) Đơn vị sở hữu cột được phép cô lập, tháo dỡ cáp viễn thông khi sợi cáp viễn thông gây mất an toàn giao thông, mất an toàn điện sau khi đã thông báo bằng văn bản đến đơn vị treo cáp (thời hạn cô lập, tháo dỡ là sau 05 ngày làm việc kể từ ngày đơn vị treo cáp nhận được văn bản thông báo) hoặc để xử lý nhanh hơn thì đơn vị sở hữu cột thông báo nhanh bằng điện thoại đến đơn vị treo cáp (thời hạn cô lập, tháo dỡ là sau 04 giờ làm việc kể từ thời điểm đơn vị treo cáp nhận được điện thoại thông báo).

Điều 8. Kinh phí thực hiện

1. Công việc thuộc nhiệm vụ của tổ chức, cá nhân nào chủ trì thì tổ chức, cá nhân đó có trách nhiệm đảm bảo kinh phí để thực hiện.

2. Cơ quan hành chính nhà nước các cấp được sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước khi thực hiện nhiệm vụ quản lý cơ sở hạ tầng viễn thông tại quy định này.

3. Nguồn kinh phí xây dựng hạ tầng ngầm cáp viễn thông: Kinh phí từ ngân sách nhà nước; kinh phí của doanh nghiệp viễn thông; kinh phí của tổ chức, cá nhân khác; các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

4. Đơn vị treo cáp viễn thông có trách nhiệm đảm bảo kinh phí để thực hiện hạ ngầm cáp viễn thông.

Điều 9. Hợp đồng sử dụng chung và giá thuê sử dụng chung cơ sở hạ tầng viễn thông

1. Hợp đồng sử dụng chung cơ sở hạ tầng viễn thông được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2013/TT-BXD ngày 02/4/2013 của Bộ Xây dựng ban hành mẫu hợp đồng sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật và hợp đồng quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

2. Giá thuê sử dụng chung cơ sở hạ tầng viễn thông thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT ngày 30/12/2013 của Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng và Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Phân công trách nhiệm của các sở ngành tỉnh và UBND cấp huyện

Ngoài nhiệm vụ cụ thể đã được phân công tại Chương II của quy định

này; UBND tỉnh phân công trách nhiệm của các sở ngành tỉnh và UBND cấp huyện như sau:

1. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Phối hợp, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện tuyên truyền, phổ biến quy định này.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND cấp huyện kiểm tra việc tuân thủ theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành thông tin và truyền thông.

c) Tổ chức triển khai, hướng dẫn và đôn đốc thực hiện; định kỳ hàng năm tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện quy định này.

2. Sở Xây dựng

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND cấp huyện kiểm tra việc tuân thủ theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành xây dựng.

b) Phối hợp chặt chẽ với các sở ngành tỉnh, UBND cấp huyện trong quản lý cơ sở hạ tầng viễn thông.

c) Kiểm tra xử lý vi phạm quy định về xây dựng cơ sở hạ tầng viễn thông theo thẩm quyền.

3. Sở Giao thông Vận tải

a) Phối hợp chặt chẽ với các sở ngành tỉnh, UBND cấp huyện trong quản lý cơ sở hạ tầng viễn thông.

b) Khi cải tạo, nâng cấp các tuyến đường phải phối hợp đồng bộ với các sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan để thực hiện quản lý cơ sở hạ tầng viễn thông đúng theo Quy định này.

4. UBND cấp huyện

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và quán triệt quy định này trên địa bàn quản lý.

b) Kiểm tra xử lý vi phạm quy định về xây dựng cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn quản lý theo thẩm quyền.

c) Phân công Phòng Văn hóa và Thông tin chủ trì tham mưu UBND cấp huyện quản lý cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn.

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Trong trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và văn bản áp dụng tại Quy định này có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn và văn bản hiện hành.

2. Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, Thủ trưởng các sở ngành tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện quy định này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung quy định này, các cơ quan, tổ chức và cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đỗ Hữu Lâm

Phụ lục

(Kèm theo Quyết định số 13 /2016/QĐ-UBND ngày 11 /3/2016 của UBND tỉnh)

A. QUY CÁCH THIẾT KẾ, TIÊU CHUẨN VẬT TƯ ĐỐI VỚI THẺ NHẬN BIẾT

Quy cách thiết kế, tiêu chuẩn vật tư đối với thẻ nhận biết thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT/BXD-BCT-BTTTT ngày 27/12/2013 của Bộ Xây dựng, Bộ Công Thương và Bộ Thông tin và Truyền thông.

B. QUY CÁCH THIẾT KẾ, TIÊU CHUẨN VẬT TƯ ĐỐI VỚI GIÁ ĐỠ CÁP, GIÁ TREO CÁP, ĐAI BÓ CÁP, DÂY TREO CÁP

I. Quy cách thiết kế

Cáp viễn thông dọc theo tuyến đường, vượt đường phải được đưa vào đai bó cáp. Đai bó cáp được gắn cố định vào dây treo cáp bởi bộ định vị để đỡ bó cáp. Khoảng cách lắp đặt giữa các đai bó cáp như sau:

a) Đối với cáp dọc theo tuyến đường: Trong đô thị thì khoảng giữa 02 đai bó cáp tối đa 03m; khu vực ngoài đô thị thì khoảng cách giữa 02 đai bó cáp tối đa 04m.

b) Đối với cáp vượt đường: Khoảng cách giữa 02 đai bó cáp tối đa 02m.

II. Tiêu chuẩn vật tư

Tiêu chuẩn vật tư đối với giá đỡ cáp, giá treo cáp, đai bó cáp, dây treo cáp và phụ kiện: Sử dụng tiêu chuẩn vật tư, phụ kiện được quy định tại Quyết định số 1689/QĐ-EVN SPC ngày 27/8/2013 của Tổng Công ty Điện lực miền Nam về việc “Ban hành Quy định tiêu chuẩn vật tư, phụ kiện và quy cách thiết kế chỉnh trang làm gọn cáp thông tin treo chung trên cột điện lực”.

1. Giá đỡ cáp

a) *Mô tả:*

- Giá đỡ cáp được thiết kế bằng 04 thanh thép chữ U. Trong đó, 01 thanh được dùng làm thanh đứng để cố định vào thân cột treo cáp, 03 thanh còn lại được bố trí nằm ngang (song song với mặt đất) dùng để đỡ cáp viễn thông. Các thanh này được lắp ghép với nhau tạo thành giá đỡ cáp có hình chữ “E”. Các thanh liên kết với nhau bằng các mối hàn ở cả 2 mặt.

- Giá đỡ cáp chữ “E” được sử dụng để đỡ cáp tại các vị trí yêu cầu phải định vị (các sợi cáp phải được treo tách rời nhau) tạo điều kiện thuận lợi trong việc quản lý vận hành như: treo thẻ nhận biết, nhận dạng chủ sở hữu cáp (kiểm đếm, xử lý sự cố).

b) *Một số thông số kỹ thuật cơ bản:*

- Kích thước thanh đứng: U65x30x4 dài 335mm.

- Kích thước thanh ngang: U35x35x4 dài 320mm.

- Quy cách mối hàn: mối hàn liên tục trên 2 mặt, độ dày tối thiểu đường hàn 3mm.

- Toàn bộ các chi tiết được mạ kẽm nhúng nóng. Độ dày trung bình tối thiểu lớp tráng kẽm 80 μ m.

- Dung lượng: có khả năng lắp đặt tối đa 24 sợi cáp các loại (cáp đồng từ 10x2 đến 300x2; cáp quang từ 4FO đến 96FO) trên 03 thanh ngang.

- Bề mặt và cạnh của các thanh phải đảm bảo nhẵn mịn để hạn chế tối đa khả năng cáp viễn thông bị cắt đứt do cạnh quá sắc.

2. Giá treo cáp

a) Mô tả:

- Giá treo cáp được thiết kế bằng các thanh thép hình chữ U. Trong đó, 01 thanh được dùng làm thanh đứng để cố định vào thân cột treo cáp, thanh còn lại được thiết kế dưới dạng uốn cong (tròn) bố trí gắn vào thanh đứng tạo thành hình dạng giống chữ “D”. Các thanh liên kết với nhau bằng các mối hàn ở cả 2 mặt.

- Mặt trong của giá treo được hàn một tấm tôn mỏng để hạn chế tối đa khả năng cáp viễn thông bị cắt đứt trong quá trình thi công, vận hành đảm bảo an toàn cho cáp viễn thông nằm bên trong giá đỡ cáp.

- Giá treo cáp được sử dụng để treo cáp tại các vị trí không yêu cầu định vị (các sợi cáp được đưa chung vào vòng đỡ) để tăng khả năng chịu lực của vật tư đối với các vị trí có nhiều cáp viễn thông, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thi công cáp (không phải tách từng sợi cáp riêng lẻ) nâng cao mức độ an toàn cho người dân và mỹ quan đô thị.

b) Một số thông số kỹ thuật cơ bản:

- Kích thước thanh đứng: U50x30x5 dài 500mm.

- Kích thước cánh tay đòn: tôn (tole) dập U50x30x5, chiều dài phần tiếp xúc với đế tương ứng 280mm.

- Đường kính trong (vòng tròn đỡ cáp): D= 200mm.

- Quy cách mối hàn: mối hàn liên tục trên 2 mặt, độ dày tối thiểu đường hàn 3mm.

- Toàn bộ các chi tiết được mạ kẽm nhúng nóng. Độ dày trung bình tối thiểu lớp tráng kẽm 80 μ m.

- Dung lượng: có khả năng lắp đặt tối đa 40 sợi cáp các loại (cáp đồng từ 10x2 đến 300x2; cáp quang từ 4FO đến 96FO), nhưng tổng khối lượng cáp phải đảm bảo khả năng chịu lực của đầu cột treo cáp.

- Bề mặt và cạnh của các thanh phải đảm bảo nhẵn mịn để hạn chế tối đa khả năng cáp viễn thông bị cắt đứt do cạnh quá sắc.

3. Đai bó cáp

a) Mô tả:

- Đai bó cáp được thiết kế bằng 02 thanh thép tròn uốn cong, mỗi thanh

tạo thành nửa vòng tròn và liên kết với nhau bằng hai bu-lông, đai bó cáp được gắn cố định vào dây cáp thép chịu lực bởi bộ định vị, liên kết giữa bộ định vị và vòng đai phía dưới là thanh thép dẹp có dạng hình số 8 không cân đối được hàn cố định.

- Đai bó cáp được cố định vào dây cáp thép chịu lực để đỡ bó cáp sau khi được bó bằng dây rút, giúp cho phần cáp treo giữa 02 cột treo cáp đảm bảo độ an toàn, tĩnh không.

- Đai bó cáp có ba kích thước (loại đường kính trong $D = 150\text{mm}$; $D = 200\text{ mm}$ và $D = 250\text{ mm}$) được dùng tương ứng với các trường hợp số lượng cáp viễn thông ít hoặc nhiều.

b) Một số thông số kỹ thuật cơ bản:

- Thép tròn $\varnothing$ tương ứng với đường kính trong D của đai bó cáp:

- + Với $D = 150\text{ mm}$ tương ứng sắt tròn $\varnothing = 10\text{mm}$.

- + Với $D = 200\text{ mm}$ tương ứng sắt tròn $\varnothing = 12\text{mm}$.

- + Với $D = 250\text{ mm}$ tương ứng sắt tròn $\varnothing = 12\text{mm}$.

- + Bulông (Boulon) Inox M6-25 được sử dụng trong cấu tạo đai bó cáp.

- + Toàn bộ các chi tiết được mạ kẽm nhúng nóng. Độ dày trung bình tối thiểu lớp tráng kẽm $80\mu\text{m}$.

4. Dây treo cáp (cáp thép)

a) Mô tả:

- Cáp thép được cấu tạo bởi vật liệu dây dẫn gồm nhiều sợi thép xoắn mạ kẽm bọc HDPE màu đen.

- Cáp thép được giữ cố định vào cột treo cáp để đảm bảo khả năng chịu lực của dây cáp thép. Cáp thép có tác dụng nâng cao độ võng cho cáp viễn thông treo giữa 02 cột treo cáp, đồng thời nâng cao tính an toàn khi xảy ra sự cố đứt cáp viễn thông treo ở đoạn giữa hai 02 cột treo cáp và đoạn cáp viễn thông băng đường.

b) Một số thông số kỹ thuật cơ bản:

- Tiết diện danh định: $35\text{mm}^2 - 50\text{mm}^2$.

- Số sợi và đường kính sợi: 14 - 19x1,2 - 1,85 sợi/mm.

- Bề dày vỏ bọc: 1,1 mm.

- Đường kính ngoài của cáp: 13,2 mm.

- Đường kính ruột: 9,52 mm.
